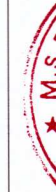


**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG
VÀ GIẢI TRÍ ODE**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Chí Hiếu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021) (miễn nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2021)
Bà Lê Thị Trà Mi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Trần Thị Phương Hoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Nhâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Đình Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2022



Số: 0664 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Hồng Dương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		118.075.066.272	108.226.074.986
I. Tiền	110	4	35.498.138.612	1.281.811.880
1. Tiền	111		35.498.138.612	1.281.811.880
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.594.891.996	50.671.957.884
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	52.703.912.700	50.429.755.664
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.880.204.966	233.734.490
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		10.774.330	8.467.730
III. Hàng tồn kho	140	7	24.741.048.396	52.967.083.952
1. Hàng tồn kho	141		24.741.048.396	52.967.083.952
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		240.987.268	3.305.221.270
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		240.987.268	75.071.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.230.149.520
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.166.064.841	2.613.465.137
I. Tài sản cố định	220		18.431.260.562	2.294.916.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.631.260.566	1.294.916.209
- Nguyên giá	222		3.273.606.104	1.436.711.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(642.345.538)	(141.794.937)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	15.799.999.996	1.000.000.000
- Nguyên giá	228		16.000.000.000	1.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(200.000.004)	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.734.804.279	318.548.928
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.734.804.279	318.548.928
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		140.241.131.113	110.839.540.123

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.260.277.298	100.659.488.207
I. Nợ ngắn hạn	310		22.260.277.298	100.659.488.207
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	11.623.356.212	18.348.699.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		262.705.460	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	12	6.987.407.635	1.032.341.936
4. Phải trả người lao động	314		3.352.172.900	272.358.635
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	34.635.091	81.006.088.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.980.853.815	10.180.051.916
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	117.980.853.815	10.180.051.916
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	5.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.980.853.815	5.180.051.916
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.180.051.916	2.643.178.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.800.801.899	2.536.872.955
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		140.241.131.113	110.839.540.123



Đỗ Lê Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	16	125.080.246.000	49.497.755.988
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		125.080.246.000	49.497.755.988
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	17	98.320.341.985	44.326.667.933
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.759.904.015	5.171.088.055
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25.311.811	1.741.369
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	10.674.571.328	2.201.543.059
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		16.110.644.498	2.971.286.365
8. Thu nhập khác	31		47.628.720	3.000.000
9. Chi phí khác	32		125.816.676	21.013.319
10. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(78.187.956)	(18.013.319)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.032.456.542	2.953.273.046
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	3.231.654.643	416.400.091
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.800.801.899	2.536.872.955
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	2.329	5.074

Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN


Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.032.456.542	2.953.273.046
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	700.550.605	109.048.065
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.733.007.147	3.062.321.111
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.718.096.403)	16.253.385.101
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	28.226.035.556	(28.453.242.439)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.143.714.967)	11.099.243.330
(Tăng) chi phí trả trước	12	(3.582.170.869)	(16.952.380)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.027.113.153)	(35.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.487.947.311	1.909.754.723
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.105.932.390)	(1.063.686.800)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.311.811	1.741.369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.080.620.579)	(1.061.945.431)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	46.809.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46.809.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	34.216.326.732	847.809.292
Tiền đầu năm	60	1.281.811.880	434.002.588
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	35.498.138.612	1.281.811.880


Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là “Công ty”, trước đây với tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107602021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016 và sửa đổi gần nhất lần thứ 7 ngày 01 tháng 7 năm 2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND, được chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8089/UBCK-GSDC ngày 03 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 80 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 76 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý, đầu tư;
- Cổng thông tin;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, sáng tác, nghệ thuật và giải trí, nhiếp ảnh, trang trí nội thất, thiết kế website, thiết kế đồ họa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in;
- Xuất bản catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;
- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác;
- Thuyết minh thời gian trình chiếu chương trình truyền hình về cuộc họp;
- Dịch vụ sắp xếp thư;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động của các điểm truy cập internet, hoạt động viễn thông có dây, không dây, dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; phát hành phim điện ảnh, phim video, chiếu phim, hậu kỳ, ghi âm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, xuất bản phần mềm;
- Bán buôn, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là truyền thông và quảng cáo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Hiện nay, dịch bệnh COVID-19 đang tiếp tục diễn biến phức tạp tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới nhưng Ban Tổng Giám đốc tin rằng vấn đề trên không có tác động trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 để xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp đối với tình hình bất ổn này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí của các dự án dở dang với giá trị được xác định tương ứng với khối lượng các hạng mục công việc được hoàn thành bởi các nhà cung cấp và được nghiệm thu bởi các bên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính từ 5 đến 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản

tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	1.458.034.519	600.130.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.040.104.093	681.681.676
	35.498.138.612	1.281.811.880

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân La	3.619.309.100	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư KSFinance	3.053.103.900	-
Các đối tượng khác	148.932.300	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	45.882.567.400	50.429.755.664
	52.703.912.700	50.429.755.664

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trung Tâm Quảng Cáo và Dịch vụ Truyền Hình	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiền Phong	1.266.122.440	-
Công ty Cổ Phần Giải trí HCC Việt Nam	754.600.000	-
Công ty TNHH Quảng Cáo Tầm Nhìn Việt	569.250.000	-
Các đối tượng khác	290.232.526	233.734.490
	4.880.204.966	233.734.490

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.741.048.396	-	52.967.083.952	-
	24.741.048.396	-	52.967.083.952	-

Chi tiết chi phí các dự án dở dang được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án quảng bá thương hiệu Sunshine	11.392.563.431	7.288.399.587
Dự án Sunshine Heritage	3.520.041.477	5.394.326.919
Dự án Heritage Mũi Né	2.474.614.230	-
Dự án Heritage Đà Nẵng	1.969.573.597	-
Dự án Sunshine Homes	955.376.798	1.947.673.068
Dự án Sunshine Crystal River	756.887.793	2.921.651.604
Dự án Sunshine City Sài Gòn	13.670.215	1.481.049.447
Dự án Sunshine Garden	9.771.369	1.555.927.487
Dự án Sunshine Empire	7.516.441	1.493.226.818
Dự án Sunshine Marina	-	17.549.046.369
Dự án Sunshine App	-	2.676.892.429
Các dự án khác	3.641.033.045	10.658.890.224
	24.741.048.396	52.967.083.952

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.436.711.146	-	-	1.436.711.146
Tăng trong năm	779.617.818	348.287.140	708.990.000	1.836.894.958
Số dư cuối năm	2.216.328.964	348.287.140	708.990.000	3.273.606.104
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	141.794.937	-	-	141.794.937
Khấu hao trong năm	441.468.103	-	59.082.498	500.550.601
Số dư cuối năm	583.263.040	-	59.082.498	642.345.538
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.294.916.209	-	-	1.294.916.209
Tại ngày cuối năm	1.633.065.924	348.287.140	649.907.502	2.631.260.566

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	1.000.000.000
Tăng trong năm	<u>15.000.000.000</u>
Số dư cuối năm	<u>16.000.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	<u>200.000.004</u>
Số dư cuối năm	<u>200.000.004</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>1.000.000.000</u>
Tại ngày cuối năm	<u>15.799.999.996</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.158.179.167	318.548.928
Các khoản khác	<u>576.625.112</u>	-
	<u>3.734.804.279</u>	<u>318.548.928</u>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dịch vụ JMB Việt Nam	1.039.225.826	1.039.225.826	1.038.656.080	1.038.656.080
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S-Việt Nam	802.264.738	802.264.738	-	-
Công ty Cổ phần S - Decoro	426.236.064	426.236.064	-	-
Công ty TNHH Truyền thông DOT	661.232.000	661.232.000	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Việt	530.026.420	530.026.420	1.132.244.080	1.132.244.080
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	429.952.400	429.952.400	1.204.799.000	1.204.799.000
Công ty TNHH PKH Việt Nam	418.660.000	418.660.000	313.967.500	313.967.500
Công ty Cổ phần Truyền thông Năng Thái Tư	238.997.896	238.997.896	1.994.319.280	1.994.319.280
Công ty TNHH HTCOM Việt Nam	-	-	316.778.000	316.778.000
Công ty TNHH Adasia Media Việt	-	-	1.271.019.400	1.271.019.400
Công ty Cổ phần Truyền thông Tập trung Mặt Trời Vàng	-	-	812.440.520	812.440.520
Công ty TNHH Truyền thông UREKA Việt Nam	-	-	749.330.658	749.330.658
Công ty Cổ phần VCCORP	-	-	446.579.921	446.579.921
Phải trả các đối tượng khác	5.002.689.758	5.002.689.758	6.786.844.077	6.786.844.077
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	2.074.071.110	2.074.071.110	2.081.720.920	2.081.720.920
	11.623.356.212	11.623.356.212	18.348.699.436	18.348.699.436

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp/	Số cuối năm
	VND	VND	khấu trừ trong năm	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	12.508.024.600	9.689.828.348	2.818.196.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp	996.462.174	3.231.654.643	1.027.113.153	3.201.003.664
Thuế thu nhập cá nhân	33.671.453	1.431.258.628	525.106.249	939.823.832
Các loại thuế khác	2.208.309	561.816.001	535.640.423	28.383.887
	1.032.341.936	17.732.753.872	11.777.688.173	6.987.407.635

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình (*)	-	40.528.683.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ (*)	-	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức (*)	-	14.273.517.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.635.091	6.088.200
	34.635.091	81.006.088.200
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	-	81.000.000.000

(*) Trong năm 2021, Công ty đã tất toán toàn bộ dư nợ phải trả cuối năm trước với các cá nhân là bên liên quan bằng hình thức chuyển đổi từ nợ phải trả thành vốn góp và thanh toán bằng chuyển khoản, cụ thể như sau:

	Chuyển đổi nợ thành vốn góp (VND)	Thanh toán bằng chuyển khoản (VND)
Cá nhân		
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	26.197.800.000	-
Ông Nguyễn Đình Đức	14.273.517.000	-
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	7.719.683.000	32.809.000.000
	48.191.000.000	32.809.000.000

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	2.643.178.961	7.643.178.961
Lợi nhuận trong năm	-	2.536.872.955	2.536.872.955
Số dư đầu năm nay	5.000.000.000	5.180.051.916	10.180.051.916
Tăng vốn trong năm (*)	95.000.000.000	-	95.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	12.800.801.899	12.800.801.899
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	17.980.853.815	117.980.853.815

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2306/2021/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2021, Công ty chào bán cổ phần cho cổ đông để tăng vốn điều lệ thông qua hình thức góp vốn bằng nộp tiền vào tài khoản Công ty với số tiền 46.809.000.000 VND và chuyển đổi từ nợ phải trả của Công ty với một số cổ đông/cá nhân thành vốn góp với số tiền 48.191.000.000 VND, cụ thể như sau:

Cổ đông	Số tiền chuyển đổi (VND)
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức	14.273.517.000
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	7.719.683.000
	48.191.000.000

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Doanh thu, giá vốn theo hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 16 và số 17.

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

16. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	125.080.246.000	49.497.755.988
	125.080.246.000	49.497.755.988
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	115.321.014.000	49.497.755.988

17. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	98.320.341.985	44.326.667.933
	98.320.341.985	44.326.667.933

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	726.124.099	344.581.984
Chi phí nhân công	16.550.638.390	2.941.235.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	700.550.605	109.048.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.330.379.882	70.767.437.443
Chi phí khác bằng tiền	1.461.184.781	866.050.326
	80.768.877.757	75.028.353.431

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.112.312.756	512.652.733
Chi phí khấu hao TSCĐ	260.454.626	-
Thuế, phí và lệ phí	118.889.070	39.411.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.799.989.532	822.840.000
Chi phí khác bằng tiền	1.382.925.344	826.638.622
	10.674.571.328	2.201.543.059

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.231.654.643	594.857.273
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020	-	178.457.182
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.231.654.643	416.400.091

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	16.032.456.542	2.953.273.046
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế <i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	125.816.676	21.013.319
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.158.273.218	2.974.286.365
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.231.654.643	594.857.273
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020	-	178.457.182
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.231.654.643	416.400.091

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và quyết toán với cơ quan thuế.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.800.801.899	2.536.872.955
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.800.801.899	2.536.872.955
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.497.260	500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.329	5.074

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, do đó chỉ tiêu này có thể thay đổi nếu Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập quỹ này.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (*)
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Tập đoàn KFinance (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Thượng)	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-Mart	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech)	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S-Service	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Sunshine Cab	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng Sunshine Việt Nam)	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty TNHH Đầu tư SSF	Có cổ đông lớn là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	Cùng cổ đông lớn (*)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Hoàng An	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan
Công ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (*)
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (*)
Ông Đỗ Văn Trường	Cổ đông lớn của Công ty đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2021
Ông Đinh Hữu Thật	Cổ đông lớn của Công ty đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2021
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đình Đức	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị

(*) Không còn là bên liên quan từ ngày 25 tháng 5 năm 2021

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

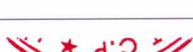
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	36.587.740.000	16.088.600.000
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	30.102.526.000	13.660.057.988
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	15.653.159.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	6.864.191.000	2.928.253.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	5.291.151.000	11.112.020.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	3.666.517.000	771.970.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.802.505.000	1.394.790.000
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.262.455.000	-
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.095.769.000	2.744.745.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.821.613.000	-
Công ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.501.735.000	-
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.352.363.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Skyvilla	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.322.674.000	-
Công ty TNHH Đầu tư SSF	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.175.069.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.080.895.000	797.320.000
Công ty Cổ Phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	746.839.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	620.481.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-Mart	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	250.059.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	123.273.000	-
		115.321.014.000	49.497.755.988

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uncloud	Mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	16.862.146.561	1.004.906.364
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Hoàng An	Phí thuê văn phòng, dịch vụ điện, nước	863.958.705	-
Công ty Cổ phần Sunshine Cab	Phí thuê xe, mua xe ô tô	781.666.666	168.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-Mart	Chi phí dịch vụ ăn uống, mua công cụ dụng cụ	497.677.580	57.968.182
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S - Service	Phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	342.840.000	342.840.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Dịch vụ ăn uống, văn phòng phẩm, voucher thưởng	256.677.212	1.881.818
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Phí dịch vụ điện, nước	175.798.082	203.952.733
		19.780.764.806	1.779.549.097
Nhận vốn góp			
Ông Nguyễn Đình Đức		28.975.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ		33.250.000.000	-
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình		9.500.000.000	-
Ông Đỗ Văn Trường		4.512.500.000	-
Ông Đinh Hữu Thật		4.275.000.000	-
		80.512.500.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	15.059.663.300	6.986.479.700
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	8.112.778.600	2.952.500.769
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	7.218.475.700	4.431.825.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	4.033.168.700	3.157.840.254
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	3.082.755.500	1.534.269.000
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.488.700.500	-
Công ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.651.908.500	-
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.487.599.300	2.965.151.200
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.454.941.400	-
Công ty TNHH Đầu tư SSF	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.292.575.900	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	12.223.222.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	8.147.348.900
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	5.012.990.200
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.489.219.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	727.709.041
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	742.409.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-mart	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	58.789.500
		45.882.567.400	50.429.755.664

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)			
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Hoàng An	Phải trả tiền thuê văn phòng, điện nước	950.104.991	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Phải trả tiền mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	781.923.119	1.000.165.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S-Service	Phải trả phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	282.843.000	377.124.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Phải trả chi phí dịch vụ ăn uống	59.200.000	4.050.000
Công ty Cổ phần Sunshine Cab	Phải trả phí thuê xe	-	354.200.000
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Phải trả phí dịch vụ điện, nước	-	224.096.920
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-mart	Phải trả chi phí dịch vụ ăn uống	-	122.085.000
		2.074.071.110	2.081.720.920
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)			
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	-	40.528.683.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	-	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	-	14.273.517.000
		-	81.000.000.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:			
		<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
		-	-
Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc			
		2.993.792.124	281.200.000
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình		1.598.069.902	281.200.000
Ông Nguyễn Đình Đức		571.000.000	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh		824.722.222	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc
		2.993.792.124	281.200.000



23. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm 914.652.064 VND (năm 2020: 1.363.994.400 VND) là tiền chi mua sắm TSCĐ trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu không bao gồm 48.191.000.000 VND (năm 2020: 0 VND) là số tiền chuyển đổi từ nợ phải trả của Công ty với một số cổ đông/cá nhân thành vốn góp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2022